TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày 27 - 7 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm
Bà Đỗ Thị Phương- Giáo viên trường THPT L, huyện T, tỉnh T.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Hùng Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2022/TLST- HS ngày 28 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Minh Đ,** sinh ngày 05 tháng 5 năm 1974 tại xã P, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Trịnh Minh C, sinh năm 1937; Mẹ: Trịnh Thị Y, sinh năm 1946; Vợ: Mai Thị H, sinh năm 1979; Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2003; Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 4; Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/7/1995 bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 06 tháng tù giam về tội: "Trộm cắp tài sản". Ngày 11/9/1995 chấp hành xong hình phạt tù.
Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.
2. **Trịnh Minh M** - Sinh ngày 16 tháng 9 năm 2003 tại xã P, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt

Nam; Cha: Trịnh Minh Đ, sinh năm 1974; Mẹ: Mai Thị H, sinh năm 1979; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Chưa có vợ con; Tiền án: Không;
Tiền sự: Ngày 24/10/2019 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính xử phạt về hành vi đánh nhau. Mức phạt 1.250.000đ. Ngày 14/4/2022 nộp tiền phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3**. Trịnh Bá N** - Sinh ngày 05 tháng 4 năm 1984 tại xã P, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn 4, xã P, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Trịnh Bá B, sinh năm 1962; Mẹ: Lê Thị Q, sinh năm 1962; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Vợ: Bùi Thị T, sinh năm 1988(đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2009; Tiền án: Không;
Tiền sự: Ngày 25/6/2021 bị Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi " Đánh nhau". Mức phạt 750.000đ. Ngày 25/6/2021 đã thi hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. **Trịnh Đình C**- Sinh ngày 16 tháng 6 năm 1990 tại xã P, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Trịnh Đình T (đã chết); Mẹ: Trịnh Thị H, sinh năm 1965; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 1; Chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Bị cáo có mặt tại phiên toà.

5**. Lê Đình Sức** - Sinh ngày 19 tháng 3 năm 1993 tại xã P, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Lê Đình C, sinh năm 1971; Mẹ: Trịnh Thị L, sinh năm 1970; Gia đình có 03 anh em bị cáo là con thứ 1; Chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022 thì thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

6. **Đỗ Huy Nam** - Sinh ngày 20 tháng 8 năm 2002 tại xã X, huyện T, tỉnh T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Đỗ Huy T, sinh năm 1972; Mẹ: Đỗ Thị Q, sinh năm 1976; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Bị cáo có mặt tại phiên toà.
7. **Sằm Văn T** - Sinh ngày 04 tháng 9 năm 1998 tại xã L, huyện V, tỉnh H; Nơi thường trú: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh H; Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Sằm Văn K, sinh năm 1970; Mẹ: Phan Thị C, sinh năm 1975; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không;
Tiền sự: Ngày 14/7/2017 Công an huyện B, tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, mức phạt 750.000đ. Ngày 21/4/2022 nộp tiền phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Bị cáo có mặt tại phiên toà.
8. **Trịnh Ngọc L** - Sinh ngày 10 tháng 6 năm 2003 tại xã X, huyện T, tỉnh T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Trịnh Ngọc T, sinh năm 1972; Mẹ: Vũ Thị H, sinh năm 1977; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Bị cáo có mặt tại phiên toà.
9. **Đỗ Đức H**- Sinh ngày 18 tháng 02 năm 2002 tại xã X, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Đỗ Xuân N, sinh năm 1978; Mẹ: Lê Thị T, sinh năm 1982; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Bị cáo có mặt tại phiên toà.
10. **Nguyễn Thành T** - Sinh ngày 17 tháng 7 năm 2003 tại xã T, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Thanh S (đã chết); Mẹ: Ngô Thị N, sinh năm 1983; Bị cáo là con duy nhất; Chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Bị cáo có mặt tại phiên toà.
11. **Lê Đình T** - Sinh ngày 14 tháng 3 năm 2004 tại xã X, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: Lớp

12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Lê Đình S, sinh năm 1972; Mẹ: Đỗ Thị B, sinh năm 1973; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Bị cáo có mặt tại phiên toà.
Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình T:
Ông Trịnh Đình H - Trợ giúp viên pháp lý. Có mặt
Nơi công tác: Chi nhánh số 6- Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T.

Người làm chứng: 1. Anh Trịnh Đình G; Sinh năm 1984. Có mặt

2. Anh Trần Văn D, sinh năm 1982. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh T.

3. Anh Đỗ Quang M, sinh năm 2003. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh T.

4. Anh Hoàng Văn N, sinh năm 2003. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh T.

5. Anh Đỗ Gia P, sinh năm 1998. Có mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17h 15 phút ngày 08/02/2022, Công an huyện T đã bắt quả tang tại nhà ở của Trịnh Minh Đ (thôn T, xã P, huyện T, tỉnh T) các đối tượng gồm: Trịnh Minh Đ (chủ nhà), Trịnh Đình C, Lê Đình S, Trịnh Bá N đang đánh bạc dưới hình thức đánh "Phỏm" ăn tiền. Thu giữ gồm: 01 chiếu nhựa, 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 cây, thu tại chiếu số tiền 6.240.000đ. Thu trên người Trịnh Minh Đ số tiền 1.340.000đ; Thu trên người Trịnh Bá N số tiền 190.000đ; Thu trên người Lê Đình S số tiền 130.000đ. Tổng số tiền là 7.900.000đ.

Cơ quan điều tra tiếp tục kiểm tra phát hiện bắt quả tang tại phòng ngủ tầng 2 của Trịnh Minh M (con của Trịnh Minh Đ) có các đối tượng gồm: Trịnh Minh M, Trịnh Ngọc L, Sầm Văn T, Đỗ Đức H, Nguyễn Thành T, Đỗ Huy N, Lê Đình T đang đánh bạc dưới hình thức đánh "Liêng" ăn tiền. Thu giữ trên thảm xốp số tiền 6.330.000đ. Thu giữ trên người Sầm Văn T số tiền 540.000đ, thu trên người Đỗ Gia P số tiền 1.585.000đ. Thu giữ 01 thảm xốp, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây. Công an đã tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trịnh Minh Đ và Trịnh Minh M nhưng không thu giữ được gì.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận khi tham gia đánh bạc các đối tượng đem theo tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau: Tại chiếu thứ 1

gồm: Đ sử dụng số tiền 1.700.000đ; C sử dụng 1.500.000đ; N sử dụng 3.000.000đ; S sử dụng 1.500.000đ.

Tại chiếu thứ 2 gồm: M sử dụng số tiền 860.000đ; L sử dụng số tiền 800.000đ; T sử dụng số tiền 1.000.000đ; H sử dụng số tiền 1.600.000đ; T sử dụng 810.000đ; N 1.300.000đ; T 540.000đ.

Đối với Đỗ Gia P không tham gia đánh bạc chỉ ngồi xem nên không có căn cứ xử lý. Số tiền 1.585.000đ thu của Đỗ Gia P không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã trả lại cho Đỗ Gia P.

Vật chứng của vụ án gồm: 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây; Số tiền 14.770.000đ; 01 chiếu cói đã qua sử dụng, 01 thảm xốp đã qua sử dụng đang quản lý theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 45/CT - VKSTX ngày 27/6/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo: Trịnh Minh Đ, Trịnh Đình C, Trịnh Bá N, Lê Đình S, Trịnh Minh M, Trịnh Ngọc L, Sằm Văn T, Đỗ Đức H, Nguyễn Thành T, Đỗ Huy N và Lê Đình T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo: Trịnh Minh Đ, Trịnh Đình C, Trịnh Bá N, Lê Đình S, Trịnh Minh M, Trịnh Ngọc L, Sằm Văn T, Đỗ Đức H, Nguyễn Thành T, Đỗ Huy N và Lê Đình T phạm tội: "Đánh bạc";

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trịnh Bá N; Trịnh Minh M và Sằm Văn T Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Trịnh Bá N từ 08(Tám) tháng đến 10(Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ từ 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022.

Bị cáo Trịnh Minh M từ 07(Bảy) tháng đến 09(Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ từ 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022.

Bị cáo Sằm Văn T từ 06(sáu) tháng đến 08(Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ từ 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trịnh Minh Đ; Trịnh Đình C, Lê Đình S. Áp dụng thêm điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trịnh Đình C, Lê Đình S. Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Trịnh Minh Đ từ 12(Mười hai) tháng đến 15(Mười lăm)tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24(Hai mươi tư) tháng đến 30(Ba mươi) tháng ;

Bị cáo Trịnh Đình C từ 08(Tám) tháng đến10(Mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16(Mười sáu)tháng đến 20(Hai mươi) tháng; Phạt tiền bổ sung

Bị cáo Lê Đình S từ 08(Tám) tháng đến 10(Mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16(Mười sáu)tháng đến 20(Hai mươi) tháng;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự đối với Lê Đình T;

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình T từ 06(Sáu) tháng đến 09(Chín) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022; Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Đình T.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Trịnh Ngọc L; Nguyễn Thành T; Đỗ Đức H và Đỗ Huy N;

Đề nghị xử phạt: Đỗ Huy N từ 25.000.000đ đến 28.000.000đ

Trịnh Ngọc L từ 22.000.000đ đến 25.000.000đ

Đỗ Đức H từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ

Nguyễn Thành T từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trịnh Đình C, Lê Đình S; Đề nghị HĐXX phạt bổ sung các bị cáo Trịnh Đình C, Lê Đình S, mỗi bị cáo từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ sung quỹ Nhà nước. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đ vì bị cáo Đcó hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND xã P nơi cư trú; Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trịnh Bá N; Trịnh Minh M và Sầm Văn T vì các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn.

Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật; Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Người bào chữa cho Bị cáo Lê Đình T trình bày ý kiến: Bị cáo Lê Đình T tính đến ngày phạm tội chưa đủ 18 tuổi, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên nhận thức chưa đầy đủ, bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đề nghị HĐXX áp dụng các quy định tại điều 91 và điều 100 Bộ luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Lê Đình T; Đề nghị

HĐXX cho bị cáo T được hưởng mức án thấp nhất là 06 tháng cải tại không giam giữ và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản thu giữ tang vật, lời khai của những người làm chứng đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào ngày 08/02/2022 các bị cáo: Trịnh Minh Đ, Trịnh Đình C, Trịnh Bá N, Lê Đình S đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh "phỏm" ăn tiền với tổng số tiền là 7.900.000đ tại phòng khách của gia đình Trịnh Minh Đ; Các bị cáo Trịnh Minh M, Trịnh Ngọc L, Sằm Văn T, Đỗ Đức H, Nguyễn Thành T, Đỗ Huy N và Lê Đình T đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh "Liêng" ăn tiền với tổng số tiền là 6.870.000đ tại phòng ngủ tầng 2 của Trịnh Minh M. Do đó hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Đánh bạc".

Mặc dù tại nhà bị cáo Trịnh Minh Đ có 02 chiếu bạc nhưng giữa Đ và M không có sự bàn bạc thống nhất từ trước. Chiếu 1 do bị cáo Đ khởi xướng và chơi cùng các bị cáo C, N và S bằng hình thức đánh "Phỏm". Chiếu 2 do bị cáo M khởi xướng và chơi cùng các bị cáo L, T , H, T, N và T bằng hình thức đánh "Liêng". Bị cáo Đ không biết bị cáo M đánh bạc tại phòng ngủ của M tại tầng 2 nhà bị cáo Đ.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo: Trịnh Minh Đ, Trịnh Đình C, Trịnh Bá N, Lê Đình S, Trịnh Minh M, Trịnh Ngọc L, Sằm Văn T, Đỗ Đức H, Nguyễn Thành T, Đỗ Huy N và Lê Đình T phạm tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 45/CT - VKSTX ngày 27/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đều nhằm mục đích lợi nhuận, thắng thua sát phạt lẫn nhau bằng hình thức đánh bạc ăn tiền. Hành vi đó đã xâm phạm trật tự trị an, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Đây là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả xấu và nghiêm trọng khác. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh để giáo dục

các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[4] Về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là trường hợp có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò và mức độ phạm tội khác nhau nên các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Trong vụ án này bị cáo Trịnh Minh Đ là người khởi xướng, rủ các bị cáo C, N và S đánh bạc và tham gia đánh bạc từ đầu bằng hình thức đánh "Phỏm" tại phòng khách nhà ở của mình với số tiền 1.700.000đ; Bị cáo Trịnh Minh M là người khởi xướng, rủ các bị cáo L, T , H, T, N và T đánh bạc và tham gia đánh bạc từ đầu bằng hình thức đánh" Liêng" nên hai bị cáo Trịnh Minh Đ và Trịnh Minh M xếp vai trò thứ nhất trong vụ án. Do đó các bị cáo Đ và M phải chịu mức hình phạt cao nhất;

Bị cáo N tham gia đánh bạc với số tiền nhiều nhất nên bị cáo N xếp vai trò thứ hai trong vụ án. Do đó bị cáo N phải chịu mức hình phạt thấp hơn 2 bị cáo Đ, M và cao hơn các bị cáo khác.

Các bị cáo C, S và H tham gia đánh bạc với số tiền ngang nhau nên xếp vai trò ngang nhau và xếp thứ 3 trong vụ án.

Các N, T, T và L tham gia đánh bạc với số tiền gần ngang nhau nên xếp vai trò ngang nhau và xếp thứ 4 trong vụ án.

Bị cáo T tham gia đánh bạc với số tiền ít nhất nên xếp vai trò cuối cùng trong vụ án.

[5] Về nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì HĐXX thấy rằng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo Trịnh Bá N có 01 Tiền sự: Ngày 25/6/2021 bị Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi " Đánh nhau". Mức phạt 750.000đ. Ngày 25/6/2021 đã thi hành xong. Bị cáo M có 01 Tiền sự: Ngày 24/10/2019 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau. Mức phạt 1.250.000đ. Ngày 14/4/2022 nộp tiền phạt. Bị cáo T có 01 Tiền sự: Ngày 14/7/2017 Công an huyện B, tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, mức phạt 750.000đ. Ngày 21/4/2022 nộp tiền phạt. Bị cáo Đ có nhân thân: Ngày 22/7/1995 bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 06 tháng tù giam về tội: "Trộm cắp tài sản". Ngày 11/9/1995 chấp hành xong hình phạt tù. Các Bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đều khai báo thành khẩn; Các bị cáo N, M, C, S, T, L, H, N, T, T đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS. Các bị cáo Trịnh Minh Đ có bố là ông Trịnh Minh C và mẹ là bà Trịnh Thị Y đã tham gia kháng chiến và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; Trịnh Đình C và Lê Đình S

đã có thời gian phục vụ trong quân đội; Bị cáo Đỗ Đức H có ông nội là thương bệnh binh và được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi đảng: Bị cáo Đỗ Huy N có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến, Bằng khen và kỷ niệm chương nên các bị cáo Đ, C, Sức, Hvà N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt: HĐXX xét thấy:

Đối với các bị cáo Trịnh Minh M, Trịnh Bá N và Sầm Văn T đều có 01 Tiền sự nên HĐXX xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Bá N đề nghị HĐXX cho bị cáo được đi chấp hành án ngay nên HĐXX xét thấy đề nghị của Bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên HĐXX Quyết định bắt tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa để đảm bảo việc Thi hành án.

Đối với bị cáo Trịnh Minh Đ mặc dù nhân thân đã bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù giam về tội: "Trộm cắp tài sản" từ ngày 22/7/1995 nhưng tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi như chưa bị kết án. Đối với các bị cáo Trịnh Đình C và Lê Đình S đều không có Tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên HĐXX không cần thiết phải cách ly các bị cáo Đ, C, S khỏi đời sống xã hội mà căn cứ vào điều 65 BLHS cho các bị cáo hưởng án treo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo Trịnh Ngọc L, Đỗ Đức H, Nguyễn Thành T và Đỗ Huy N đều xếp vai trò thứ yếu trong vụ án, đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng và không còn nguy hiểm cho xã hội nên HĐXX áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo là phù hợp.

Riêng đối với bị cáo Lê Đình T tính đến ngày phạm tội chưa đủ 18 tuổi(17 tuổi 10 tháng 24 ngày), có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng và không còn nguy hiểm cho xã hội nên HĐXX áp dụng các quy định tại điều 91 và điều 100 Bộ luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật HĐXX xét thấy cần phải áp dụng khoản 3 điều 321 BLHS đối với các bị cáo Trịnh Đình C và Lê Đình S để phạt bổ sung các bị cáo số tiền từ 15 đến 20 triệu đồng sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với bị cáo Trịnh Minh Đ có hoàn cảnh, điều kiện kinh tế khó khăn các xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú; Các bị cáo Trịnh Minh M, Trịnh Bá N và Sằm Văn T đều phải chấp hành hình phạt tù nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là 02 bộ bài Tú lơ khơ 52 cây là công cụ phương tiện phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 14.770.000đ các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 chiếc chiếu nhựa đã qua sử dụng và 01 tấm thảm xốp đã qua sử dụng là vật không có giá trị và không sử dụng được nên căn cứ khoản 1 điều 47 BLHS và điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 điều 331 và khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58 BLHS năm 2015;

- Tuyên bố: Các bị cáo: Trịnh Minh Đ, Trịnh Đình C, Trịnh Bá N, Lê Đình S, Trịnh Minh M, Trịnh Ngọc L, Sằm Văn T, Đỗ Đức H, Nguyễn Thành T, Đỗ Huy N và Lê Đình T phạm tội: "Đánh bạc"

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Trịnh Minh Đ, Trịnh Đình C và Lê Đình S. Áp dụng thêm điểm i khoản 1 điều 51 và khoản 3 điều 321 BLHS đối với các bị cáo Trịnh Đình C và Lê Đình S;

- Xử phạt: Bị cáo Trịnh Minh Đ 12(mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24(hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ;

Bị cáo Trịnh Đình C 09(chín)tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18(mười tám)tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt tiền bổ sung bị cáo Trịnh Đình C 20.000.000đ(hai mươi triệu đồng chẵn) nộp ngân sách Nhà nước

Bị cáo Lê Đình S 09(chín)tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18(mười tám)tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt tiền bổ sung bị cáo Lê Đình S 20.000.000đ(hai mươi triệu đồng chẵn) nộp ngân sách Nhà nước

Giao các bị cáo Trịnh Minh Đ, Trịnh Đình C, Lê Đình cho UBND xã P, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp

người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Trịnh Minh M, Trịnh Bá N và Sằm Văn T.

- Xử phạt: Bị cáo Trịnh Minh M 07(bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022.

Bị cáo Trịnh Bá N 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022. Tuyên bắt giam ngay bị cáo Trịnh Bá N tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Sằm Văn T 06(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2022 đến ngày 11/02/2022.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự đối với Lê Đình T;

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình T 06(sáu)tháng Cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Đình T.

Thời hạn chấp hành án tính từ ngày UBND xã X, huyện T, tỉnh T nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao bản án của Tòa án nhân dân huyện T. Giao bị cáo Lê Đình T cho UBND xã X, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Trịnh Ngọc L; Nguyễn Thành T; Đỗ Đức H và Đỗ Huy N; Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 đối với hai bị cáo Đỗ Đức H và Đỗ Huy N;

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ Huy N 25.000.000đ(Hai mươi lăm triệu đồng)

Bị cáo Trịnh Ngọc L 22.000.000đ(hai mươi hai triệu đồng chẵn)

Bị cáo Đỗ Đức H 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng chẵn)

Bị cáo Nguyễn Thành T 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng chẵn)

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng; 01 chiếc chiếu nhựa đã qua sử dụng; 01 tấm thảm xốp đã qua sử dụng; Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 14.770.000đ

Toàn bộ số vật chứng trên được thể hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng số 67 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Về án phí**:** Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc các bị cáo Trịnh Minh Đ, Trịnh Đình C, Trịnh Bá N, Lê Đình, Trịnh Minh M, Trịnh Ngọc L, Sằm Văn T, Đỗ Đức H, Nguyễn Thành T, Đỗ Huy N và Lê Đình T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 điều 331 và khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng

Nơi nhận:
- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh T
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T
- UBND xã P, xã X, huyện T, tỉnh T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.